

Số: /QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển đất tỉnh Đắk Lắk

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ Quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về Quỹ phát triển đất;

Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 24/6/2025 của HĐND tỉnh về việc kiện toàn tổ chức bộ máy, mô hình hoạt động và mức vốn điều lệ của Quỹ phát triển đất tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Quyết định số 1624/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 của UBND tỉnh về việc kiện toàn tổ chức bộ máy, mô hình hoạt động và mức vốn điều lệ của Quỹ phát triển đất tỉnh Đắk Lắk;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 358/TTr-STC ngày 26/06/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển đất tỉnh Đắk Lắk kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các Quyết định số 690/QĐ-UBND ngày 29/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Điều lệ tổ chức, hoạt động và Quy chế quản lý, sử dụng Quỹ Phát triển Nhà - Đất tỉnh; Quyết định số 399/QĐ-UBND ngày 09/02/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ tổ chức, hoạt động và Quy chế quản lý, sử dụng Quỹ Phát triển Nhà - Đất tỉnh, hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng; Chủ tịch Hội đồng quản lý, Giám đốc Quỹ phát triển đất tỉnh Đắk Lắk; Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển Đắk Lắk và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ngân hàng Nhà nước – CN khu vực 11;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Quỹ Đầu tư phát triển Đắk Lắk;
- Lưu: VT, KTTH (ThN_15b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tuấn Hà

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

ĐIỀU LỆ

Tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển đất tỉnh Đắk Lắk

(Kèm theo Quyết định số: _____/QĐ-UBND ngày ____ / ____ /2025 của UBND tỉnh)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Điều lệ này quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển đất tỉnh Đắk Lắk.

2. Đối tượng áp dụng

a) Quỹ phát triển đất tỉnh Đắk Lắk.

b) Quỹ Đầu tư phát triển Đắk Lắk.

c) Tổ chức được ứng vốn theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Chính phủ quy định về Quỹ phát triển đất.

d) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác có liên quan đến hoạt động của Quỹ phát triển đất tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Tên gọi và nơi đặt trụ sở chính

1. Tên tổ chức: Quỹ phát triển đất tỉnh Đắk Lắk.

2. Tên giao dịch quốc tế: DakLak Land Development Fund.

3. Tên giao dịch viết tắt: DLDF.

4. Địa chỉ trụ sở chính: Trung tâm hành chính tỉnh Đắk Lắk

Điều 3. Địa vị pháp lý, nguyên tắc hoạt động, tư cách pháp nhân, chức năng, người đại diện theo pháp luật

1. Quỹ phát triển đất tỉnh Đắk Lắk (sau đây viết tắt là Quỹ) là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk (sau đây viết tắt là UBND tỉnh), do UBND tỉnh quyết định thành lập, hoạt động độc lập với ngân sách nhà nước, không vì mục đích lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn.

2. Quỹ có tư cách pháp nhân, có con dấu, có tài khoản, hạch toán độc lập, có vốn điều lệ.

3. Quỹ có chức năng tiếp nhận, huy động vốn theo quy định để thực hiện nhiệm vụ ứng vốn và được hoàn trả vốn ứng theo quy định tại Điều 114 Luật

Đất đai năm 2024, Nghị định 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Chính phủ; điều lệ này và pháp luật có liên quan.

4. Người đại diện theo quy định của pháp luật là Giám đốc Quỹ.

Điều 4. Nhiệm vụ của Quỹ

1. Quản lý, bảo toàn và phát triển vốn.
2. Thực hiện các nhiệm vụ ứng vốn theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền; thực hiện thu hồi vốn ứng theo quy định.
3. Chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý tài chính, tài sản, kế toán, kiểm toán và các quy định khác có liên quan.
4. Báo cáo UBND tỉnh quyết định dừng, thu hồi vốn ứng khi phát hiện tổ chức được ứng vốn vi phạm quy định về sử dụng vốn ứng hoặc chậm hoàn trả vốn ứng.
5. Kiểm tra đối với việc sử dụng vốn ứng và thu hồi vốn ứng theo quy định tại khoản 7 Điều 15 Điều lệ này; xác định chi phí quản lý vốn ứng theo quy định tại Điều 16 Điều lệ này.
6. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo quy định; báo cáo đột xuất về tình hình quản lý, sử dụng vốn hoạt động của Quỹ theo yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền.
7. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

Điều 5. Quyền hạn của Quỹ

1. Tổ chức quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ theo đúng mục tiêu và các nhiệm vụ được giao.
2. Ban hành quy chế, quy trình nghiệp vụ để điều hành hoạt động của Quỹ.
3. Kiểm tra việc tuân thủ mục đích sử dụng vốn ứng của dự án, nhiệm vụ được Quỹ ứng vốn.
4. Xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý vi phạm của tổ chức, cá nhân trong việc quản lý, sử dụng, hoàn trả vốn ứng.
5. Các quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

Chương II **CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ**

Điều 6. Cơ cấu tổ chức và mô hình hoạt động

1. Cơ cấu tổ chức của Quỹ gồm:
 - a) Hội đồng quản lý.

b) Ban kiểm soát.

c) Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ.

2. Thành phần, nhiệm vụ, quyền hạn, chế độ làm việc của Hội đồng quản lý, Ban Kiểm soát, cơ quan điều hành Quỹ được thực hiện theo quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 9 của Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

3. Mô hình hoạt động: Ủy thác cho Quỹ Đầu tư phát triển Đắk Lắk theo Quyết định ủy thác của UBND tỉnh.

Điều 7. Hội đồng quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ là đại diện của UBND tỉnh, do UBND tỉnh quyết định thành lập. Hội đồng quản lý Quỹ có 05 (năm) thành viên, gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên khác, được cơ cấu thành phần như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ là 01 Lãnh đạo UBND tỉnh.

b) 01 Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý là Giám đốc Quỹ.

c) Các thành viên khác của Hội đồng quản lý Quỹ là đại diện Lãnh đạo thuộc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng.

d) Thành viên của Hội đồng quản lý không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh chị em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của các thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng Quỹ và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật về phòng chống tham nhũng.

2. Thành viên của Hội đồng quản lý hoạt động kiêm nhiệm.

3. Kien toan Thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ.

a) Thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ được thay thế hoặc kien toan trong các trường hợp:

- Nghỉ hưu;

- Khi có quyết định điều chuyển hoặc bố trí công việc khác hoặc thôi giữ chức vụ quy định tại khoản 1 Điều này, trừ trường hợp công việc mới nằm trong cơ cấu thành viên Hội đồng quản lý Quỹ quy định tại khoản 1 Điều 8 Điều lệ này;

- Không đảm bảo sức khỏe đảm nhận công việc;

b) Thủ tục kien toan toàn thành viên Hội đồng quản lý Quỹ:

Cơ quan, đơn vị có cán bộ là thành viên Hội đồng quản lý Quỹ khi được nghỉ hưu hoặc chuyển công tác khác, có văn bản cử cán bộ khác thay thế làm thành viên hoặc kien toan Hội đồng quản lý, gửi cơ quan điều hành Quỹ để tổng hợp báo cáo cấp thẩm quyền tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh ban hành quyết định thay thế hoặc kien toan thành viên Hội đồng quản lý Quỹ.

Thành viên Hội đồng quản lý vẫn phải tiếp tục thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn cho đến khi Chủ tịch UBND tỉnh ban hành quyết định thay thế hoặc kien toan (trừ

trường hợp Thành viên Hội đồng quản lý nghỉ hưu).

4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý:

a) Quản lý và sử dụng nguồn vốn của Quỹ theo đúng quy định tại Nghị định 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Chính phủ; Điều lệ Quỹ và pháp luật có liên quan; bảo toàn và phát triển vốn.

b) Ban hành hoặc sửa đổi quy chế, quy trình nghiệp vụ và các quy chế khác theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển đất; phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản lý.

c) Giám sát, kiểm tra Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ trong việc chấp hành chính sách, pháp luật và việc thực hiện các quyết định của Hội đồng quản lý.

d) Phê duyệt kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát; phê duyệt theo thẩm quyền hoặc thông qua kế hoạch ứng vốn từ Quỹ phát triển đất để trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

đ) Trình UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.

e) Trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm đối Trưởng ban Kiểm soát Quỹ theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ của cấp có thẩm quyền.

g) Quyết định việc bổ nhiệm, miễn nhiệm với các chức danh thành viên Ban kiểm soát Quỹ theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan.

h) Được sử dụng con dấu của Quỹ và Cơ quan điều hành nghiệp vụ để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý.

i) Chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ và chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc được phân công trước Chủ tịch UBND tỉnh và pháp luật.

k) Thông qua dự toán thu chi và báo cáo tài chính năm trình UBND tỉnh phê duyệt.

l) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

4. Chế độ làm việc của Hội đồng quản lý được quy định như sau:

a) Thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 9 Nghị định 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Chính phủ.

b) Hội đồng quản lý tổ chức họp định kỳ hàng quý để xem xét, quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của mình. Hội đồng quản lý Quỹ tổ chức họp bất thường để giải quyết các vấn đề cấp bách trong trường hợp cần thiết.

Điều 8. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát giúp UBND tỉnh và Hội đồng quản lý kiểm soát hoạt động của Quỹ.

2. Ban kiểm soát có 03 thành viên, gồm: Trưởng ban và các thành viên Ban kiểm soát. Thành viên Ban kiểm soát hoạt động kiêm nhiệm.

3. Thành viên của Ban kiểm soát không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh chị em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của các thành viên Hội đồng quản lý; Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Quỹ và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

4. Thành viên Ban kiểm soát Quỹ được cơ cấu là cán bộ, công chức đang công tác tại các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường và Sở Xây dựng, cụ thể:

- Trưởng Ban kiểm soát Quỹ do Chủ tịch UBND tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ.

- Các thành viên còn lại của Ban kiểm soát do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Trưởng Ban kiểm soát Quỹ.

5. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát:

- a) Kiểm tra, giám sát việc chấp hành chính sách pháp luật, Điều lệ này, các quy chế, quy trình của Quỹ;

- b) Kiểm tra, giám sát tính hợp pháp, trung thực của Hội đồng quản lý, Giám đốc Quỹ trong việc quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ;

- c) Thẩm định dự toán thu chi, báo cáo tài chính của Quỹ theo quy định trước khi trình Hội đồng quản lý Quỹ.

- d) Lập kế hoạch hoạt động, trình Hội đồng quản lý phê duyệt; báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về công tác kiểm tra, giám sát;

- đ) Thực hiện nhiệm vụ khác do UBND tỉnh và Hội đồng quản lý giao.

Điều 9. Cơ quan điều hành nghiệp vụ

1. Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ là Ban điều hành Quỹ Đầu tư phát triển Đắk Lắk.

2. Quỹ Đầu tư phát triển Đắk Lắk chịu trách nhiệm về hoạt động của Quỹ theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Nghị định 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Chính phủ.

Điều 10. Giám đốc Quỹ

1. Giám đốc Quỹ là người đại diện pháp luật của Quỹ, do Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển Đắk Lắk kiêm nhiệm; chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, Hội đồng quản lý Quỹ và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động nghiệp vụ của

Quỹ theo nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại Điều lệ này.

2. Giám đốc Quỹ do Chủ tịch UBND tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ.

3. Giám đốc Quỹ có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Tổ chức, điều hành và quản lý các hoạt động của Quỹ theo quy định tại Điều lệ này và các chương trình, kế hoạch, nghị quyết, quyết định của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và Hội đồng quản lý Quỹ;

b) Quyết định cho ứng vốn hoặc trình cấp thẩm quyền cho ứng vốn theo thẩm quyền quy định tại Điều 15 Điều lệ này;

c) Báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình hoạt động của Quỹ theo quy định của Điều lệ Quỹ và các quy định khác có liên quan;

d) Đề xuất Hội đồng quản lý Quỹ xem xét trình Chủ tịch UBND tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm Phó Giám đốc, Kế toán trưởng;

đ) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo chỉ đạo của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, Hội đồng quản lý Quỹ, quy định tại Điều lệ Quỹ và pháp luật có liên quan.

Điều 11. Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các phòng nghiệp vụ

1. Phó Giám đốc

Phó Giám đốc Quỹ do Phó Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển Đắk Lắk kiêm nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Phó Giám đốc theo quy định của pháp luật hiện hành.

Phó Giám đốc có nhiệm vụ giúp Giám đốc Quỹ điều hành hoạt động của Quỹ theo phân công và ủy quyền, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Quỹ và pháp luật về những nhiệm vụ đã được phân công. Trường hợp Giám đốc vắng mặt, Giám đốc ủy quyền bằng văn bản cho Phó Giám đốc thực hiện nhiệm vụ của Giám đốc.

2. Kế toán trưởng:

Kế toán trưởng Quỹ do Kế toán trưởng của Quỹ Đầu tư phát triển Đắk Lắk kiêm nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Kế toán trưởng theo quy định của pháp luật hiện hành.

Kế toán trưởng tổ chức thực hiện công tác kế toán của Quỹ, giúp Hội đồng quản lý và Giám đốc Quỹ giám sát tài chính tại Quỹ theo pháp luật về tài chính, kế toán; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý, Giám đốc Quỹ và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công hoặc ủy quyền; thực hiện các chức năng và nhiệm vụ khác được quy định theo Luật Kế toán và các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan.

Kế toán trưởng Quỹ phải đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của Luật Kế toán và pháp luật có liên quan.

3. Các phòng nghiệp vụ do các phòng nghiệp vụ Quỹ Đầu tư phát triển Đắk Lắk kiêm nhiệm, có chức năng tham mưu, giúp việc Hội đồng quản lý và Giám đốc Quỹ trong công tác quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ.

Chương III HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

Điều 12. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ

1. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ gồm:

a) Vốn điều lệ

- Vốn điều lệ ban đầu: 1.946.047.350.834 đồng (*Bằng chữ: Một ngàn chín trăm bốn mươi sáu tỷ không trăm bốn mươi bảy triệu ba trăm năm mươi ngàn tám trăm ba mươi bốn đồng*).

- Vốn điều lệ bổ sung: Vốn điều lệ bổ sung của Quỹ cấp từ nguồn chi đầu tư phát triển của ngân sách địa phương và cấp từ nguồn chênh lệch thu lớn hơn chi (nếu có) của Quỹ sau khi trích lập các quỹ và thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước theo quy định của pháp luật. Trong từng thời kỳ, căn cứ tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách của địa phương, UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định mức vốn điều lệ bổ sung của Quỹ.

b) Vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật, gồm: Vốn viện trợ, tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước theo chương trình hoặc dự án viện trợ, tài trợ và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định.

2. Việc cấp vốn điều lệ cho Quỹ được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật về ngân sách nhà nước áp dụng đối với quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách.

3. Vốn hoạt động của Quỹ được gửi tại Kho bạc Nhà nước tại địa phương, các ngân hàng thương mại có vốn chi phối của Nhà nước trên địa bàn bảo đảm an toàn, hiệu quả.

Quỹ mở tài khoản riêng tại Kho bạc Nhà nước, tài khoản thanh toán tại các ngân hàng thương mại có vốn chi phối của Nhà nước trên địa bàn để quản lý vốn điều lệ của Quỹ. Vốn điều lệ của Quỹ chỉ được sử dụng để thực hiện nhiệm vụ ứng vốn và được hoàn trả vốn ứng theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan. Trong thời gian vốn tạm thời nhàn rỗi, chưa giải ngân vốn ứng cho các dự án, vốn điều lệ của Quỹ được gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại có vốn chi phối của Nhà nước trên địa bàn, đảm bảo an toàn và không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ của Quỹ.

Điều 13. Sử dụng vốn hoạt động của Quỹ

1. Vốn hoạt động của Quỹ được sử dụng để:

a) Ứng vốn cho chủ đầu tư dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước, đơn vị, tổ chức của Nhà nước thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật về nhà ở (trừ các dự án đầu tư bằng nguồn vốn không phải nguồn ngân sách nhà nước).

b) Ứng vốn cho tổ chức phát triển quỹ đất để tạo lập, phát triển quỹ đất tái định cư, tạo quỹ đất để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất nộp ngân sách nhà nước.

c) Ứng vốn cho tổ chức được giao thực hiện chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số.

d) Ứng vốn thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc ứng vốn từ Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 14, Điều 15, điều 16 Điều lệ này; việc hoàn trả vốn ứng cho Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 17 Điều lệ này.

Điều 14. Kế hoạch ứng vốn và điều kiện ứng vốn từ Quỹ

1. Kế hoạch ứng vốn:

Thẩm quyền, quy trình lập, tổng hợp, phê duyệt Kế hoạch ứng vốn từ Quỹ được thực hiện theo quy định của UBND tỉnh. Cơ quan, người có thẩm quyền trước khi phê duyệt quyết định ứng vốn từ Quỹ phát triển đất có trách nhiệm rà soát điều kiện ứng vốn quy định tại khoản 2 Điều này đảm bảo phù hợp và chịu trách nhiệm về việc phê duyệt số tiền ứng vốn từ Quỹ phát triển đất.

2. Điều kiện ứng vốn gồm:

- a) Có văn bản đề nghị ứng vốn của tổ chức được ứng vốn.
- b) Có trong Kế hoạch ứng vốn từ Quỹ được cấp thẩm quyền phê duyệt.
- c) Dự án, nhiệm vụ đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt hoặc giao thực hiện.
- d) Có phương án hoàn trả vốn ứng.
- đ) Vốn hoạt động của Quỹ tại thời điểm ứng vốn đáp ứng được yêu cầu ứng vốn.

Điều 15. Thẩm quyền quyết định, trình tự, thủ tục thực hiện ứng vốn

1. Thẩm quyền quyết định ứng vốn:

Căn cứ thẩm quyền quyết định ứng vốn từ Quỹ được UBND tỉnh quy định, cơ quan, người có thẩm quyền trước khi phê duyệt quyết định ứng vốn từ Quỹ có trách nhiệm rà soát điều kiện ứng vốn quy định tại khoản 2 Điều 14 Điều lệ này đảm bảo phù hợp và chịu trách nhiệm về việc phê duyệt số tiền ứng vốn từ Quỹ.

2. Căn cứ Kế hoạch ứng vốn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tổ chức được ứng vốn lập 01 bộ hồ sơ đề nghị ứng vốn gửi Quỹ. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản của tổ chức được ứng vốn về việc đề nghị ứng vốn (trong đó nêu rõ kế hoạch, tiến độ thực hiện khối lượng công việc; phương án hoàn trả vốn ứng; cam kết sử dụng vốn ứng đúng mục đích và hoàn trả vốn ứng đúng thời hạn): 01 bản chính.

Hồ sơ, tài liệu liên quan đến điều kiện ứng vốn quy định tại khoản 2 Điều 14 Điều lệ này: 01 bản sao.

3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Quỹ trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này quyết định việc ứng vốn cho tổ chức được ứng vốn nếu đủ điều kiện hoặc có văn bản thông báo và trả lại hồ sơ cho tổ chức đề nghị ứng vốn nếu không đủ điều kiện theo quy định.

Quyết định ứng vốn bao gồm chủ yếu các nội dung sau: tên dự án, nhiệm vụ ứng vốn; tên đơn vị ứng vốn; số tiền ứng vốn; mục đích sử dụng vốn ứng; thời hạn ứng vốn; chi phí quản lý vốn ứng; nguồn và thời hạn hoàn trả vốn ứng.

4. Căn cứ quyết định ứng vốn của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này, tổ chức được ứng vốn lập hồ sơ đề nghị giải ngân, hồ sơ đầy đủ, hợp lệ gồm:

- Hồ sơ quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này;
- Văn bản của tổ chức được ứng vốn về việc đề nghị giải ngân vốn ứng;
- Hồ sơ, chứng từ pháp lý các chi phí, hạng mục để giải ngân: 01 bản gốc/bản sao.

Quỹ kiểm soát hồ sơ và chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của hồ sơ, lập chứng từ chuyển tiền gửi Kho bạc Nhà nước, ngân hàng thương mại nơi mở tài khoản. Chậm nhất 01 ngày làm việc, Kho bạc Nhà nước nơi mở tài khoản chuyển tiền cho đối tượng thụ hưởng theo đề nghị của Quỹ phát triển đất. Ngân hàng thương mại nơi mở tài khoản thanh toán thực hiện lệnh chuyển tiền của Quỹ phát triển đất cho đối tượng thụ hưởng theo quy định.

5. Việc ứng vốn được thực hiện một lần hoặc nhiều lần trên cơ sở tiến độ thực hiện và nhu cầu ứng vốn của từng dự án, nhiệm vụ. Trường hợp thực hiện ứng vốn nhiều lần cho cùng một dự án, nhiệm vụ thì tổ chức được ứng vốn có văn bản đề nghị ứng vốn và hồ sơ, tài liệu bổ sung có liên quan đến việc ứng vốn theo từng lần.

6. Tổ chức được ứng vốn có trách nhiệm:

a) Sử dụng vốn ứng để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 13 Điều lệ này đúng mục đích, đúng quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về việc sử dụng vốn ứng theo quy định của pháp luật. Không sử dụng vốn ứng thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 13 Điều lệ này để sử dụng vào mục đích khác.

b) Thực hiện trả chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ theo quy định tại Quyết định ứng vốn của dự án/nhiệm vụ.

c) Thông báo cho cơ quan, người có thẩm quyền ban hành Quyết định hoàn trả vốn ứng và thực hiện hoàn trả cho Quỹ theo quy định tại Điều 17 Điều lệ này.

7. Quỹ có trách nhiệm kiểm tra đối với việc sử dụng vốn ứng từ Quỹ và thu hồi vốn ứng theo quy định. Trường hợp dự án, nhiệm vụ không đủ nguồn hoàn trả (vốn ứng và chi phí quản lý vốn ứng) thì Quỹ có trách nhiệm báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét để hoàn trả vốn ứng theo quy định.

Điều 16. Chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ

1. Mức chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ phát triển đất bằng mức lãi suất áp dụng đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam của Kho bạc Nhà nước tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong cùng thời kỳ.

2. Giao Hội đồng quản lý Quỹ quy định chi tiết về việc xác định chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Chính phủ.

3. Trường hợp mức chi phí quản lý vốn ứng được quy định pháp luật sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo quy định tương ứng quy định sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Điều 17. Quy định về hoàn trả vốn ứng cho Quỹ

1. Hoàn trả vốn ứng từ nguồn vốn của dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt:

a) Tổ chức được ứng vốn theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Điều lệ này lập hồ sơ đề nghị hoàn trả vốn ứng cho Quỹ, gửi Kho bạc Nhà nước (nơi tổ chức được ứng vốn mở tài khoản). Hồ sơ gồm:

Giấy đề nghị hoàn trả vốn ứng cho Quỹ (trong đó nêu rõ số tiền ứng vốn từ Quỹ chưa hoàn trả, thời hạn ứng): 02 bản chính;

Giấy rút vốn theo Mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Chính phủ: 02 bản chính và đối với trường hợp gửi hồ sơ qua Trang thông tin dịch vụ công của Kho bạc Nhà nước, các thành phần hồ sơ phải được ký số theo quy định;

Quyết định ứng vốn từ Quỹ của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 15 Điều lệ này: 01 bản sao;

Quyết định giao kế hoạch vốn hằng năm của dự án (trong đó có số tiền hoàn trả vốn ứng cho Quỹ): 01 bản sao;

Quyết định hoàn trả vốn ứng cho Quỹ của cơ quan, người có thẩm quyền quyết định phê duyệt dự án đầu tư: 01 bản chính.

b) Chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, Kho bạc Nhà nước kiểm soát tính hợp pháp của hồ sơ do tổ chức được ứng vốn gửi; trường hợp đảm bảo đúng quy định thì Kho bạc Nhà nước

chuyển tiền cho Quỹ; trường hợp không đúng quy định thì Kho bạc Nhà nước từ chối chuyển tiền.

Các nội dung khác về quy trình thủ tục giao dịch tại Kho bạc Nhà nước thực hiện theo quy định của Chính phủ về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước.

c) Việc quyết toán dự án hoàn thành thực hiện theo quy định của pháp luật về quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

2. Hoàn trả vốn ứng trong trường hợp còn lại (không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này):

a) Căn cứ vào số tiền ứng vốn chưa hoàn trả cho Quỹ (bao gồm cả số tiền ứng vốn của kỳ trước nếu có), thời hạn ứng và phương án hoàn trả vốn ứng cho Quỹ, tổ chức được ứng vốn theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Điều lệ này báo cáo cấp có thẩm quyền của địa phương để bố trí trong dự toán ngân sách chi đầu tư phát triển khác của cấp tương ứng để hoàn trả vốn ứng cho Quỹ.

b) Nguồn hoàn trả vốn ứng cho Quỹ được bố trí trong dự toán chi đầu tư phát triển khác. Việc lập, thẩm định, phê duyệt dự toán ngân sách được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

c) Căn cứ dự toán ngân sách được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, tổ chức được ứng vốn lập hồ sơ đề nghị hoàn trả vốn ứng cho Quỹ, gửi Kho bạc Nhà nước. Hồ sơ gồm:

Giấy đề nghị hoàn trả vốn ứng (trong đó nêu rõ số tiền ứng vốn từ Quỹ chưa hoàn trả, thời hạn ứng): 02 bản chính;

Giấy rút vốn theo Mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Điều lệ này: 02 bản chính và đối với trường hợp gửi hồ sơ qua Trang thông tin dịch vụ công của Kho bạc Nhà nước, các thành phần hồ sơ phải được ký số theo quy định;

Quyết định giao dự toán ngân sách của cơ quan, người có thẩm quyền: 01 bản sao;

Quyết định hoàn trả vốn ứng của cơ quan, người có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ: 01 bản chính.

d) Chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm c khoản này, Kho bạc Nhà nước kiểm soát tính hợp pháp của hồ sơ; trường hợp đảm bảo đúng quy định thì Kho bạc Nhà nước chuyển tiền cho Quỹ; trường hợp không đúng quy định thì Kho bạc Nhà nước từ chối chuyển tiền.

Các nội dung khác về quy trình thủ tục giao dịch tại Kho bạc Nhà nước thực hiện theo quy định của Chính phủ về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước.

đ) Tổ chức được ứng vốn thực hiện quyết toán số tiền hoàn trả vốn ứng cho Quỹ cùng với quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm.

3. Số tiền thanh toán quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này được hoàn trả vốn ứng cho Quỹ để tiếp tục thực hiện nhiệm vụ ứng vốn quy định tại Điều lệ này, không được sử dụng vào mục đích khác.

4. Trường hợp số tiền đã ứng nhưng chưa sử dụng hết (nếu có) phải hoàn trả cho Quỹ trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc sử dụng vốn ứng cho nội dung đã đề nghị nhưng không sử dụng hết.

5. Gia hạn thời gian hoàn trả

a) Điều kiện gia hạn hoàn trả vốn ứng: Do nguyên nhân khách quan dẫn đến hoàn trả vốn ứng và chi phí quản lý vốn ứng không đúng thời gian hoàn trả theo quy định trong quyết định ứng vốn, tổ chức ứng vốn có văn bản đề nghị cho gia hạn gửi về Quỹ trước thời gian đến hạn hoàn trả để được cấp thẩm quyền xem xét theo quy định.

b) Quỹ có trách nhiệm căn cứ tình hình thực tế và các quy định có liên quan thẩm định nội dung gia hạn hoàn trả vốn ứng, tham mưu và đưa ra phương án xử lý trình cấp có thẩm quyền xem xét quyết định.

Chương IV **CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, QUẢN LÝ TÀI SẢN,** **KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN**

Điều 18. Chế độ tài chính và quản lý, sử dụng tài sản của Quỹ

1. Năm tài chính của Quỹ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2. Chế độ tài chính và quản lý, sử dụng tài sản của Quỹ thực hiện theo quy định áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập. Các nội dung cụ thể liên quan đến chế độ tài chính của Quỹ được quy định tại Điều lệ này thì thực hiện theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

Điều 19. Các khoản thu, chi của Quỹ

1. Các khoản thu gồm:

a) Khoản thu từ chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ theo quy định tại Điều 16 Điều lệ này.

b) Lãi tiền gửi theo quy định của pháp luật.

c) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

2. Các khoản chi của Quỹ theo mô hình uỷ thác gồm: Thực hiện theo khoản 2, 3 Điều 21 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Chính phủ.

3. Hội đồng quản lý Quỹ phát triển đất có trách nhiệm ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của Quỹ để làm căn cứ thực hiện, quản lý việc chi tiêu của Quỹ.

4. Không sử dụng vốn điều lệ của Quỹ để chi cho các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này. Chênh lệch thu lớn hơn chi (nếu có) sau khi trích lập các quỹ và thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước theo quy định được bổ sung vốn điều lệ của Quỹ.

5. Quỹ có trách nhiệm quyết toán các khoản thu, chi của Quỹ theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Chế độ kế toán, báo cáo

1. Quỹ thực hiện chế độ kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán áp dụng cho quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, đảm bảo phản ánh đầy đủ, kịp thời, trung thực, chính xác, khách quan các hoạt động kinh tế, tài chính.

2. Hằng năm, Quỹ có trách nhiệm gửi báo cáo tài chính năm của Quỹ cho UBND tỉnh và Sở Tài chính.

Báo cáo tài chính năm của Quỹ được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật. Thời gian gửi báo cáo chậm nhất là 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Việc kiểm tra, giám sát, kiểm soát, thanh tra và kiểm toán đối với Quỹ được thực hiện theo Điều lệ này và quy định của pháp luật.

Điều 21. Giải thể Quỹ

Việc giải thể Quỹ thực hiện theo quy định tại Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Chính phủ và pháp luật khác có liên quan.

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 22. Xử lý chuyển tiếp

1. Đối với các khoản vốn ứng đã giải ngân, đến ngày 01/8/2024 chưa hoàn trả vốn ứng (còn dư nợ vốn ứng): Tiếp tục áp dụng mức chi phí quản lý vốn ứng (mức phí ứng vốn) theo Hợp đồng ứng vốn, Phụ lục Hợp đồng ứng vốn (nếu có) đã ký; đồng thời, không áp dụng tính chi phí quản lý vốn ứng quá hạn kể từ ngày 01/8/2024 trở đi.

2. Các quy định về xử lý chuyển tiếp còn lại thực hiện theo Điều 25 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Chính phủ.

Điều 23. Trách nhiệm thi hành

1. Hội đồng quản lý có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại khoản 3 Điều 7 Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

2. Các Sở: Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường và các đơn vị có liên quan có trách nhiệm phối hợp với Quỹ thẩm định nhu cầu ứng vốn theo quy định tại Điều lệ này, trình cấp có thẩm quyền ban hành kế hoạch ứng vốn hàng

năm; thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với hoạt động của Quỹ có trách nhiệm giúp UBND tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra việc quản lý, sử dụng Quỹ đúng quy định pháp luật. Tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí nguồn hoàn trả vốn ứng và chi phí quản lý vốn ứng cho Quỹ theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

3. Ban kiểm soát có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại khoản 5 Điều 8 Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

4. Cơ quan điều hành Quỹ (là Ban điều hành Quỹ Đầu tư phát triển Đắk Lắk) có trách nhiệm thực hiện hoạt động ứng vốn theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan; chủ trì phối hợp với các Sở: Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, và các Sở, ban, ngành có liên quan để thực hiện nhiệm vụ quy định tại khoản 2 Điều này.

5. Tổ chức được ứng vốn có trách nhiệm phối hợp với Quỹ thực hiện nghiêm túc các quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

Điều 24. Mỗi quan hệ công tác

1. Đối với Hội đồng nhân dân tỉnh

Quỹ chịu sự giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Đối với UBND tỉnh

Quỹ chịu sự thanh tra, kiểm tra liên quan đến hoạt động của Quỹ theo quy định của pháp luật.

Quỹ thực hiện nhiệm vụ tham mưu, giúp UBND quản lý, sử dụng có hiệu quả nguồn vốn Quỹ. UBND tỉnh là cơ quan, quyết định cao nhất trong việc phê duyệt Kế hoạch ứng vốn, quyết định ứng vốn theo thẩm quyền và các vấn đề quan trọng khác của Quỹ. Thường xuyên nắm bắt tình hình của tổ chức được ứng vốn để kịp thời báo cáo, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện tốt nhất nhiệm vụ được giao đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ.

3. Đối với các sở, ban, ngành có liên quan

Phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan trong quá trình triển khai thực hiện các nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và Hội đồng quản lý giao theo quy định của pháp luật.

4. Đối với các tổ chức được ứng vốn

Phối hợp với Quỹ thực hiện nghiêm túc các quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan trong hoạt động ứng vốn và hoàn trả vốn ứng.

Điều 25. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ

Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Điều lệ này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo quy định tương ứng tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Trong quá trình thực hiện, nếu xét thấy cần thiết, Quỹ có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ trình UBND tỉnh quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ này cho phù hợp với yêu cầu thực tế và các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 26. Hiệu lực thi hành

1. Các quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Quỹ chưa được quy định tại Điều lệ này hoặc có thay đổi khác với điều lệ này thì thực hiện theo văn bản quy phạm pháp luật đó. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Điều lệ này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo quy định tương ứng tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

2. Các tổ chức, cá nhân lợi dụng chức vụ, quyền hạn nhằm trục lợi; tham ô, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; cố ý làm trái gây thất thoát tiền và tài sản của Nhà nước trong hoạt động của Quỹ thì tùy theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật./.